

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ TRONG BẢO VỆ, HỖ TRỢ PHỤ NỮ DI CƯ

DƯƠNG KIM ANH*

Tóm tắt: Bài viết tập trung tìm hiểu và phân tích kinh nghiệm của một số quốc gia châu Á, Thái Bình Dương và châu Âu trong bảo vệ, hỗ trợ phụ nữ di cư, từ đó gợi ý một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp (desk review), tổng quan và phân tích tài liệu sẵn có, bao gồm luật pháp chính sách và các nghiên cứu về phụ nữ di cư, hỗ trợ phụ nữ di cư. Các quốc gia lựa chọn để học tập kinh nghiệm bao gồm Trung Quốc, Hàn Quốc (châu Á), New Zealand (Thái Bình Dương), và Đức, Anh (châu Âu). Bài viết là một phần không thể tách rời của Đề tài NCKH cấp Nhà nước “Cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất giải pháp bảo vệ và hỗ trợ một số nhóm phụ nữ đặc thù” do Hội LHPN Việt Nam thực hiện trong các năm 2020-2022.

Từ khoá: Kinh nghiệm quốc tế, bảo vệ, hỗ trợ, phụ nữ di cư, nhóm phụ nữ đặc thù.

Abstract: This paper focuses on uncovering the experiences of some Asian, Pacific and European countries in protecting and supporting migrant women. The paper uses secondary data, reviews and analyzes existing literature, including policy, legislation and studies on women migrants and supporting women migrants. Selected countries include China, South Korea (Asia), New Zealand (Pacific), Germany and UK (Europe). The paper is an integral part of the State Scientific Research titled “Theory and practice to propose solutions to protect and support some specific groups of women” conducted by the Vietnam Women’s Union in the years 2020-2022.

Keywords: International experience, protect, support, migrant women, specific groups of women.

1. Đặt vấn đề

Phụ nữ di cư là đối tượng dễ bị tổn thương, dễ bị tác động bởi bối cảnh thay đổi. Phụ nữ di cư thường có trình độ học vấn thấp, đa phần chưa qua đào tạo chuyên môn, do vậy thu nhập trung bình thấp. Phụ nữ di cư chủ yếu tham gia vào các công việc làm thuê, buôn bán, lao động giản đơn. Do thời gian làm việc dài nên phụ nữ di cư ít có cơ hội giải trí, luyện tập thể thao. Đặc biệt, trong đại dịch, thu nhập của phụ nữ di cư sụt giảm, xuống mức trung bình 3,1 triệu đồng mỗi tháng (Hội LHPN Việt Nam, 2022). Mức thu nhập này thấp hơn nhiều

* Học viện Phụ nữ Việt Nam

Ngày nhận bài: 12/4/2022; Ngày phản biện: 6/5/2022; Ngày duyệt đăng: 15/8/2022

so với chỉ tiêu trung bình ở các thành phố, nơi lao động nữ di cư lựa chọn do có nhiều cơ hội việc làm hơn. Các nghiên cứu quốc tế cũng cho thấy, phụ nữ di cư đối mặt với các rủi ro bị bóc lột, rủi ro bị mua bán, bị bạo lực. Đây là thách thức lớn trong hỗ trợ và bảo vệ lao động nữ di cư.

Trong những năm gần đây, Việt Nam và nhiều nước trên thế giới vẫn tiếp tục chứng kiến “xu hướng nữ hóa” lao động di cư. Xu hướng nữ hóa lao động di cư tiếp tục duy trì trong một thập niên trở lại đây, mặc dù có xu hướng giảm nhưng vẫn ở mức cao (Donato, K. & Gabaccia, 2016; CIEM & Aus4Reform, 2021). Phụ nữ thường là những người chịu nhiều tác động tiêu cực trong di cư, kể từ nơi đi tới nơi đến. Phụ nữ di cư luôn đóng vai trò quan trọng trong việc chăm sóc, duy trì và xây dựng cộng đồng. Tuy vậy, nhu cầu, mối quan tâm ưu tiên và tiếng nói của họ chưa được phản ánh đầy đủ trong chính sách di cư của các quốc gia, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh căng thẳng. Thực tế rằng, phụ nữ di cư đóng vai trò quan trọng trên toàn thế giới, giúp duy trì các cộng đồng và nền kinh tế, trong khi các cam kết toàn cầu nhấn mạnh việc đạt được bình đẳng giới, trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái toàn cầu (Liên Hợp quốc, 2015). Việc thúc đẩy đạt được Mục tiêu phát triển bền vững số 5 (SDG5) chính là nhằm đảm bảo quyền con người, nhân phẩm con người, giải quyết các nhu cầu của phụ nữ, tăng cường tiếng nói và sự tham gia của họ vào các hoạt động, các chính sách bảo vệ phụ nữ di cư.

Bài viết này tập trung trả lời cho ba câu hỏi chính: Các quốc gia trên thế giới áp dụng những giải pháp gì trong hỗ trợ, bảo vệ phụ nữ di cư? Giải pháp hỗ trợ, bảo vệ phụ nữ di cư trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 và hậu Covid có gì đặc biệt? Từ kinh nghiệm của các quốc gia, có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì cho Việt Nam trong hỗ trợ, bảo vệ phụ nữ di cư?

Các nước được lựa chọn nghiên cứu bao gồm Trung Quốc, Hàn Quốc, New Zealand, Đức, và Anh là các nước đại diện cho các khu vực châu Á, Thái Bình Dương và Châu Âu. Đây là các quốc gia có nhiều kinh nghiệm trong hỗ trợ và bảo vệ phụ nữ di cư; đồng thời cũng là các điểm đến quen thuộc đối với người di cư Việt Nam. Kinh nghiệm hỗ trợ, bảo vệ phụ nữ di cư tại các nước được khai thác ở cả hai khía cạnh: hỗ trợ, bảo vệ phụ nữ di cư trong nước và hỗ trợ, bảo vệ phụ nữ di cư quốc tế; tuy nhiên, tập trung hơn nhiều ở việc hỗ trợ, bảo vệ phụ nữ di cư trong nước.

2. Kinh nghiệm của một số quốc gia châu Á, Thái Bình Dương trong bảo vệ, hỗ trợ phụ nữ di cư

2.1 Kinh nghiệm của Trung Quốc

Thời gian qua, Trung Quốc chứng kiến hiện tượng “di cư ngược” từ thành thị về nông thôn. Tình trạng già hóa dân số, chi phí sinh hoạt đắt đỏ góp phần đổi chiều làn sóng lao động nông thôn ra thành thị - kéo dài trong suốt nhiều thập kỷ qua. Trung Quốc chứng kiến sự gia tăng của tình trạng già hóa dân số, với tỷ lệ lao động nhập cư trên 50 tuổi đã tăng hơn gấp đôi trong 12 năm qua, lên tới 26% (VNExpress, ngày 29/6/2021). Bên cạnh đó, một số

loại hình kinh doanh mới sử dụng công nghệ như livestream bán hàng khiến người dân có cơ hội kiếm tiền mà không nhất thiết phải ra thành phố. Đại dịch Covid-19 cũng tác động tới xu hướng ngược dòng trong di cư. Di cư từ nông thôn ra thành thị chậm lại trước khi có Covid-19 và giảm vào năm 2020.

Các chính sách của Chính phủ Trung Quốc cũng thúc đẩy lao động ở lại nông thôn làm việc. Cụ thể như việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng nông thôn, thúc đẩy phát triển kinh tế; thu hút lao động có trình độ; đô thị hóa nông thôn, tạo sức hút cho các thành phố, thị trấn nhỏ; đồng thời giữ chân người lao động ở lại làm việc ở địa phương. Mặc dù có xu hướng “di cư ngược” từ thành thị về nông thôn, đa phần người di cư Trung Quốc vẫn tập trung ở các thành phố lớn. Đại dịch COVID-19 khiến hệ thống an sinh xã hội đô thị ở Trung Quốc chịu ảnh hưởng nghiêm trọng, nhiều người di cư gặp khó khăn do mất việc làm, hạn chế đi lại do giãn cách xã hội (Chan, 2021). Do hạn chế trong các biện pháp hỗ trợ người di cư, nhiều cha mẹ phải để trẻ em cho ông bà ở quê trông để lên thành phố đi làm, gây nguy cơ đổ vỡ, chia rẽ trong hôn nhân.

Trung Quốc có tới 286 triệu lao động nông thôn nhập cư vào năm 2020, chiếm hơn một phần ba dân số ở độ tuổi lao động (China Labour Bulletin, 2021). Lao động nhập cư là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Trung Quốc trong suốt ba thập kỷ qua. Lao động di cư ở Trung Quốc còn chịu nhiều thiệt thòi. Con cái của họ phải xa cha mẹ nhiều năm, hoặc bị hạn chế trong tiếp cận các cơ hội giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Chế độ hộ khẩu được áp dụng để đảm bảo người dân nông thôn Trung Quốc ở lại nông thôn, tiếp tục cung cấp lương thực, thực phẩm và các nguồn lực khác cho người dân thành thị. Tuy nhiên, công nghiệp hóa, hiện đại hóa với nhu cầu lao động lớn, khiến nhiều lao động nông thôn đổ về thành thị.

Tại Trung Quốc, lao động nữ nhập cư chiếm 34,8% tổng số lao động nhập cư vào năm 2020 (giảm so với tỷ lệ 35,1% vào năm 2019). Theo ILO (2019), lao động di cư Trung Quốc, trong đó có lao động nữ phải đối mặt với nhiều thách thức. Thứ nhất, quỹ an sinh thấp khiến lao động di cư gặp nhiều khó khăn. Thứ hai, năng lực hạn chế của hệ thống bảo hiểm xã hội. Thứ ba, chế độ hộ khẩu hạn chế tiếp cận, kiểm soát các dịch vụ xã hội của người di cư tại nơi đến. Bên cạnh đó, sự manh mún của hệ thống thông tin an sinh xã hội ở các khu vực khác nhau, khiến việc tiếp cận an sinh, phúc lợi của người di cư bị hạn chế. An sinh xã hội đối với người di cư ở Trung Quốc, chịu tác động bởi ba yếu tố cơ bản: Sự khác biệt giữa các chương trình an sinh xã hội của người dân đô thị và người dân nông thôn; việc quản lý quỹ bảo hiểm xã hội ở địa phương; và thực tế thì cư dân đô thị hay nông thôn chỉ có thể tham gia các chương trình an sinh xã hội tại nơi họ đăng ký hộ khẩu. Điều này khiến người di cư gặp khó khăn trong việc hiện thực hóa các quyền an sinh khi di chuyển giữa các vùng miền.

Với nỗ lực hỗ trợ lao động di cư, Trung Quốc đã thực hiện các giải pháp cụ thể. Nghiên cứu của Tadevosyan và cộng sự (2020) đã chỉ ra các giải pháp cụ thể áp dụng tại Trung Quốc như thúc đẩy cơ hội giáo dục và đào tạo kỹ năng cho lao động di cư trở về. Năm 2018, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa- ông Tập Cận Bình nhấn mạnh rằng, trong khi đô

thị hóa được khuyến khích, việc phát triển nông thôn cũng cần được thúc đẩy tương tự. Các chính sách được nhấn mạnh bao gồm: Thúc đẩy cơ hội tiếp cận vốn vay; cung cấp hỗ trợ và tư vấn kỹ thuật; tăng cường chia sẻ thông tin; thúc đẩy tiếp cận các dịch vụ xã hội; thúc đẩy các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; thiết lập cơ sở dữ liệu về lực lượng lao động trở về địa phương. Trung Quốc cũng nhấn mạnh vai trò của người di cư trở về trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, thu hẹp khoảng cách nông thôn và thành thị nếu như tăng cường tập huấn cho họ kỹ năng, kiến thức, năng lực kinh doanh, và thúc đẩy quan hệ mạng lưới.

2.2 Kinh nghiệm của Hàn Quốc

Hàn Quốc là xã hội già hóa với hơn 20% dân số từ 65 tuổi trở lên vào năm 2026. Tổng tỷ suất sinh (TFR) giảm và tuổi thọ tăng là hai yếu tố cơ bản góp phần làm tăng dân số già ở quốc gia này. Với dân số 51,7 triệu người, Hàn Quốc là nền kinh tế tiên tiến, có tốc độ đô thị hóa cao. Di cư trong nước của Hàn Quốc bắt đầu vào giữa thế kỷ 20. Với hơn 80% dân số sống ở các thành phố, di cư giữa các đô thị của Hàn Quốc chiếm ưu thế. Quá trình công nghiệp hóa nhanh chóng từ giữa những năm 1960 đến 1970 đã thúc đẩy dòng người di cư lớn đến Seoul (Lee & Kim, 2020). Các đô thị thu hút người di cư nội địa ở Hàn Quốc phải kể đến Seoul, Incheon, và Gyeonggi. Gần đây, di cư dịch chuyển đến một số thành phố khác. Thống kê cập nhật của Statista (2020) cho thấy, vào năm 2020, số người di cư trong nước trên 100 dân số ở Hàn Quốc đạt khoảng 15%, tăng xấp xỉ một điểm phần trăm so với năm trước. Số lượng người di cư trong nước đạt mức cao nhất vào năm 2020 kể từ năm 2015. Chính phủ Hàn Quốc thúc đẩy di cư nội địa thông qua phân cấp dịch vụ và cơ sở hạ tầng của chính phủ, thúc đẩy phát triển kinh tế ở các thành phố, phát triển cơ sở hạ tầng giao thông.

Hàn Quốc có các chính sách hỗ trợ với phụ nữ nước ngoài nhập cư. Các trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa (MFSCs) do chính phủ tài trợ đóng vai trò trung tâm trong việc thực hiện các chương trình hỗ trợ khác nhau cho phụ nữ di cư kết hôn và các gia đình đa văn hóa. Phiên dịch viên di cư kết hôn của MFSCs, cũng là phụ nữ di cư đã kết hôn, cung cấp các dịch vụ ngôn ngữ ở nhiều cơ sở khác nhau. Ngoài công việc phiên dịch và biên dịch, họ thực hiện nhiều vai trò khác như người trợ giúp và hòa giải, bao gồm trả lời các câu hỏi từ người sử dụng dịch vụ và cung cấp dịch vụ tư vấn không chính thức cơ bản (Lee, 2021).

Các trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa được thành lập để giúp những người nhập cư do kết hôn và gia đình sớm ổn định cuộc sống tại Hàn Quốc. Các trung tâm này cung cấp dịch vụ dạy tiếng Hàn cho những người nhập cư vì lý do kết hôn, giáo dục về đa văn hóa, giáo dục cho các gia đình, tư vấn cho các cá nhân và gia đình, dịch vụ việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp, và cung cấp dịch vụ biên dịch, phiên dịch. Các trung tâm cũng tổ chức các lớp học song ngữ và những dịch vụ hỗ trợ phát triển ngôn ngữ (hỗ trợ cho việc dạy tiếng Hàn) cho trẻ em của những người nhập cư do kết hôn.

2.3 Kinh nghiệm của New Zealand

Di cư trong nước khá phổ biến ở New Zealand. Sống trên quần đảo ở Nam Thái Bình Dương, người New Zealand di cư không hẳn là từ nông thôn ra thành thị, mà là di cư tới nơi

có thời tiết thuận lợi hơn, có cuộc sống tốt hơn, hoặc nơi giá nhà thấp hơn, để có thể đảm bảo cuộc sống và sinh hoạt. Trận động đất diễn ra vào tháng 2 năm 2011 tại Christchurch đã khiến nhiều người dân di dời tới các khu vực khác nhau ở New Zealand hoặc di cư sang Úc. Giá nhà tại Thành phố Auckland tăng cao trong vài năm qua, giá nhà ở Thành phố Christchurch cũng tăng mạnh. Nhiều người nghỉ hưu chuyển về vùng Waikato hoặc vùng Tauranga thuộc Vịnh Plenty để sinh sống.

Thay đổi dân cư ở New Zealand được chia làm 3 nhóm lớn: gia tăng tự nhiên, di cư thuần trong nước và di cư quốc tế. Horowhenua là khu vực nơi di cư trong nước đóng góp lớn cho sự thay đổi dân số, với 70% dân số tăng hàng năm; Thames và Coromandel đứng thứ hai (68%), tiếp theo là Selwyn (62%) (Olsen, 2020). Năm 2020, có 12.600 người rời thành phố Auckland, nhưng có tới 36.700 người nước ngoài nhập cư vào thành phố này. Christchurch cũng chứng kiến luồng người rời thành phố, với mức giảm 1.900 người, tiếp theo là thủ đô Wellington - giảm 1.400 người. Bối cảnh dịch bệnh khiến cách thức, mô hình làm việc thay đổi. Nhiều tổ chức, cơ quan làm việc theo hình thức online, bất cứ nơi nào có kết nối internet ổn định. Người lao động có thể làm việc từ xa hoặc tới văn phòng không thường xuyên. Khả năng chi trả cho cuộc sống, chủ yếu là nhà ở, cũng có ảnh hưởng tới quyết định di cư nội địa.

New Zealand là xã hội đa văn hóa. Chiến lược hòa nhập và định cư của New Zealand hỗ trợ người di cư từ nước ngoài để họ xem New Zealand như nhà của mình, tham gia và đóng góp đầy đủ cho mọi mặt của đời sống xã hội của đất nước này. Chiến lược được Chính phủ New Zealand phê duyệt năm 2014, hướng tới 5 trọng tâm ưu tiên là: việc làm, giáo dục và đào tạo, tiếng Anh, hòa nhập và sức khỏe, và phúc lợi. Những hỗ trợ toàn diện này giúp người di cư có thể thành công ở New Zealand. Bộ Di trú New Zealand có các dịch vụ hỗ trợ trong cả nước, nhằm giúp đỡ những người nhập cư, đáp ứng nhu cầu cụ thể của họ, liên quan đến các vấn đề trên. Trước đó, năm 2009, New Zealand ban hành đạo luật nhập cư, thiết lập khuôn khổ pháp lý, quản lý người nhập cư theo cách cân bằng lợi ích quốc gia và nghĩa vụ quốc tế, bảo vệ người dân New Zealand cũng như người nhập cư.

New Zealand phát triển các tổ chức cộng đồng hỗ trợ người di cư. Shakti Community Council Inc. là một ví dụ. Đây là tổ chức cộng đồng phi lợi nhuận, hoạt động trong lĩnh vực phát triển, trao quyền cho phụ nữ và trẻ em, can thiệp, phòng ngừa và nâng cao nhận thức về bạo lực gia đình. Shakti có nghĩa là sức mạnh, hoạt động hướng tới chấm dứt bạo lực và phân biệt đối xử với phụ nữ; cung cấp các dịch vụ hỗ trợ văn hóa cho phụ nữ, trẻ em và các gia đình gốc Á, Phi và Trung Đông. Thành lập năm 1995, từ một nhóm hỗ trợ nhỏ đã phát triển thành tổ chức bảo trợ quốc gia với nhiều tổ chức thành viên ở khu vực Trung, Tây và Nam Thành phố Auckland, trung tâm của Đảo Bắc và Đảo Nam của New Zealand. Phụ nữ di cư được đăng ký tham gia các chương trình kỹ năng sống và học cách trở nên tự chủ, ứng phó với bạo lực gia đình, thúc đẩy bình đẳng giới, mang lại thay đổi cho xã hội.

3. Kinh nghiệm của một số quốc gia châu Âu trong bảo vệ, hỗ trợ phụ nữ di cư

3.1 Kinh nghiệm của Đức

Đức có mức độ di cư nội địa ổn định đáng kể, với khoảng 3% dân số dịch chuyển giữa các thành phố kể từ khi nước Đức thống nhất vào năm 1990 (Stawarz & cộng sự, 2020). Với mô hình định cư cân bằng và các chính sách thúc đẩy tăng trưởng đồng đều các khu vực của chính phủ, khiến mức độ di chuyển trong nước của người dân là tương đối thấp. Kể từ khi nước Đức thống nhất vào năm 1990, mô hình di cư nội địa ở Đức chuyển từ xu hướng di cư từ ngoại ô vào các đô thị những năm 1994-1998 sang xu hướng đô thị hóa với nhiều người dân chuyển về các khu vực đô thị những năm 2006-2012, và quay trở lại giai đoạn di cư ra ngoại ô trong thời gian gần đây. Theo Stawarz và cộng sự (2020), giá nhà ở tăng cao là nguyên nhân khiến người dân rời thành phố về sinh sống ở vùng ngoại ô và nông thôn để tiết kiệm chi phí, đảm bảo cuộc sống.

Đức là quốc gia Châu Âu khá thoáng với nhập cư, do nhu cầu lao động, tỷ lệ sinh thấp, tỷ lệ dân số già tăng cao. Đức trở thành quốc gia nhập cư hiện đại, tiếp nhận người di cư nhiều nhất trên thế giới, với hàng triệu người nhập cư mỗi năm. Tới cuối năm 2020, có tới 10,6 triệu người nước ngoài sinh sống ở Đức. Theo số liệu thống kê của Văn phòng Thống kê Liên bang (Destatis), có tới 12,7% người sống tại Đức không phải là người gốc Đức. Tính đến năm 2060, mỗi năm Đức cần tới 260.000 lao động nhập cư, trong đó tới một nửa không phải công dân Châu Âu. Là đầu tàu kinh tế của khu vực Châu Âu, Đức có nền kinh tế phát triển, chế độ an sinh xã hội tốt nhất thế giới, môi trường sống văn minh, là đích đến của nhiều người dân trên thế giới.

Chính sách hỗ trợ và bảo vệ phụ nữ di cư của Đức hướng tới giảm thiểu các yếu tố “lực kéo” (pull factors) thu hút người di cư tới Đức, trong khi tạo điều kiện để những người đã di cư tới Đức nhanh chóng ổn định cuộc sống. Có thể nói, chính sách hỗ trợ và bảo vệ người di cư của Đức tập trung vào việc hòa nhập cộng đồng cho người di cư. Theo Brucker và cộng sự (2019), Đức đẩy mạnh các quy trình giải quyết thủ tục cho người tị nạn, thủ tục phân luồng (lane changes) - yêu cầu người di cư phải đáp ứng các yêu cầu cần thiết để có thể đăng ký cư trú dài hạn. Với những người di cư không thể quay trở về đất nước của mình, họ có thể ở lại trong 6 tháng, sau đó được tiếp tục đánh giá khả năng tiếp nhận. Bên cạnh đó là việc giảm thời gian nhận cấp phép làm việc cho người di cư từ 12 tháng xuống 3 tháng. Các đổi mới chính sách gần đây của Đức tập trung vào việc điều chỉnh hỗ trợ hòa nhập cộng đồng, phù hợp với nhu cầu của các nhóm người di cư khác nhau. Các khóa học hỗ trợ hòa nhập cộng đồng được thực hiện, bao gồm đào tạo ngoại ngữ (900 giờ với khóa tổng quan, 900 giờ với khóa học đặc biệt và 400 giờ với khóa học nâng cao), kèm theo khóa học 100 giờ tập huấn các nội dung liên quan đến luật pháp, văn hóa và giá trị cuộc sống. Nước Đức cũng có các khóa học đặc thù cho người có trình độ thấp, khóa học dành cho cha mẹ, cho thanh niên, cho phụ nữ. Tuy nhiên, theo đánh giá, sự tham gia các khóa học này còn hạn chế (Brucker & cộng sự, 2019).

Chính phủ Đức đã nhấn mạnh sự cần thiết phải đưa ra các hỗ trợ cụ thể đối với phụ nữ di cư, trong khi đó Cơ quan Việc làm Liên bang thiết lập “Quan điểm về phụ nữ tị nạn” với các sáng kiến đào tạo ngôn ngữ hướng nghiệp, tổ chức các chuyến thăm thực địa tại các doanh nghiệp và tư vấn việc làm, cũng như các tư vấn chăm sóc trẻ. Bên cạnh đó, Bộ Gia đình, Người cao tuổi, Phụ nữ và Thanh niên đã tài trợ cho Chương trình “Mạnh mẽ trong việc làm” (Strong in the Job), với đối tượng tham gia là phụ nữ di cư và người bản xứ có nguồn gốc nhập cư (Hillmann & Koca, 2021).

Có thể thấy rõ vai trò của chính phủ liên bang trong phát triển và thúc đẩy khung pháp lý về hội nhập thị trường lao động cho người di cư, thể hiện qua các khóa học ngoại ngữ, khóa học cơ bản về luật pháp, về tiếp cận thị trường lao động, thực hiện các chính sách về nhà ở, sức khỏe, giáo dục, ngoại ngữ, đào tạo nghề và tham gia thị trường lao động cho người di cư. Hỗ trợ đối với phụ nữ di cư được quan tâm đáng kể ở đất nước một thời gian dài có nữ nguyên thủ quốc gia là nữ - bà Angela Merkel, nguyên thủ tướng Đức trong 16 năm từ năm 2005 đến năm 2021.

3.2 Kinh nghiệm của Anh

Luật nhập cư của Vương quốc Anh xác định ai có thể nhập cảnh vào đất nước này, ai có thể ở lại và những gì họ được phép làm khi ở đây. Ngoài luật pháp, khung pháp lý nhập cư của Vương quốc Anh còn được xác định rõ hơn bởi các quy tắc và tài liệu hướng dẫn mở rộng, khiến việc di cư vào Anh chịu sự chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau. Hệ quả là ngày càng khó để nhập cư vào Anh. Tuy nhiên, với tình trạng thiếu hụt nhân lực, thị trường lao động Anh vẫn tiếp tục thu hút người nhập cư, bên cạnh đó là những người di cư vì lý do kết hôn, lý do học tập. Phụ nữ di cư gặp không ít khó khăn như hạn chế trong tiếp cận tư vấn nghề nghiệp tại các trung tâm việc làm. Hạn chế về tiếng Anh, khả năng tiếp cận công việc cũng như hạn chế trong các mối quan hệ xã hội khiến phụ nữ di cư khó phát triển. Việc không có các lớp học tiếng Anh miễn phí hay dịch vụ trông trẻ miễn phí cũng là khó khăn lớn với phụ nữ di cư, trong khi các trung tâm hỗ trợ cộng đồng, các tổ chức phi chính phủ đều phải đối mặt với việc cắt giảm chi phí, đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con cái với phụ nữ đã khó khăn, đối với phụ nữ nhập cư, còn khó khăn hơn nhiều bởi họ thiếu việc làm, thiếu thu nhập và các dịch vụ hỗ trợ.

Năm 2014, Chính phủ Anh đã ban hành tài liệu “Sức khỏe phụ nữ: Hướng dẫn sức khỏe cho người di cư”. Tài liệu này hỗ trợ phụ nữ tiếp cận các dịch vụ sức khỏe tình dục và chăm sóc thai sản và hiểu rõ quyền lợi của họ khi được chăm sóc. Tài liệu cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải quan tâm đến những nhạy cảm về tôn giáo và văn hóa khi thảo luận về các vấn đề tình dục và sinh sản. Trường hợp phụ nữ di cư hạn chế về ngôn ngữ, cần có hỗ trợ phiên dịch khi bàn luận các vấn đề tình dục và sinh sản. Phụ nữ di cư có rủi ro bị buôn bán có thể liên hệ với đường dây nóng phòng chống Buôn bán người. Phụ nữ di cư được cung cấp miễn phí một số dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, bất kể tình trạng di cư của họ như thế nào. Họ được hưởng miễn phí các dịch vụ, bao gồm: các dịch vụ khám định kỳ, chẩn đoán, điều trị và tiêm chủng các bệnh lây truyền qua đường tình dục, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, bao gồm cả các dịch vụ tránh thai, điều trị do bị bạo lực giới.

Di cư nội địa diễn ra tại Anh, với đa số người di cư ở độ tuổi 20. Trước đây, chủ yếu là những người trẻ tuổi di cư tới thành phố lớn để học tập và tìm kiếm việc làm. Với sự xuất hiện của đại dịch Covid-19 những năm gần đây, cơ hội di cư đối với những người trẻ tuổi giảm đi. Papoutsaki và cộng sự (2021) nhấn mạnh rằng, về mặt nhân khẩu học, ở Anh, phụ nữ di cư nội địa nhiều hơn nam giới. Tỷ lệ di cư trong nước của phụ nữ cao hơn 16% so với nam giới. Trong một số trường hợp, điều này phản ánh việc phụ nữ cần tìm kiếm các cơ hội việc làm linh hoạt để có thể cân bằng công việc và cuộc sống, cân bằng việc làm và việc chăm sóc con cái. Di cư nội địa ở Anh cho thấy, những người có nền tảng kinh tế xã hội cao là những người có tính di chuyển cao. Những người di cư có việc làm tốt hơn so với những người “ở lại”. Cũng theo Papoutsaki và cộng sự (2021), di cư nội địa ở Anh có nguyên nhân kinh tế, việc làm, sự phát triển của công nghệ hiện đại. Có thể thấy, xu hướng di cư nội địa ở các nước Đức, Anh, New Zealand hay Nhật Bản có sự khác biệt so với các nước châu Á khác, với người di cư có trình độ, có điều kiện kinh tế xã hội khá ổn định, khác với các trường hợp di cư nội địa ở châu Á, thường di cư từ nơi có điều kiện kinh tế khó khăn tới nơi đô thị - vì vậy, gặp nhiều rủi ro hơn ở nơi đến.

4. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong bảo vệ và hỗ trợ phụ nữ di cư

Kinh nghiệm bảo vệ, hỗ trợ phụ nữ di cư ở các nước Trung Quốc, Hàn Quốc, New Zealand, Đức, và Anh cho thấy hỗ trợ, bảo vệ phụ nữ di cư là giải pháp quan trọng, giúp người di cư ổn định được cuộc sống, đảm bảo quyền con người, nhân phẩm con người tại nơi đến, từ đó đóng góp cho sự phát triển của gia đình, cộng đồng. Một số bài học kinh nghiệm có thể rút ra như sau:

Thứ nhất, cần lưu ý tới các xu hướng di cư khác nhau. Với sự phát triển của xã hội, sự phát triển của công nghệ thông tin, giá nhà đất tăng lên, thiên tai dịch bệnh, xu hướng di cư trong tương lai có thể thay đổi, không chỉ đơn thuần là di cư từ nông thôn ra thành thị, mà có thể là từ thành thị về nông thôn. Hiện nay, ở Việt Nam, đã có những người trẻ tuổi rời bỏ thành phố về quê để sinh sống, lập nghiệp, tận hưởng khí hậu mát mẻ, trong lành ở nông thôn hoặc miền núi, dự báo xu hướng di cư ngược chiều trong tương lai. Hỗ trợ phụ nữ di cư, vì vậy, cần linh hoạt. Cần quan tâm tới các sáng kiến chính sách, các mô hình hỗ trợ phụ nữ lao động di cư. Quan tâm tới những nhu cầu của họ, giúp họ giải quyết các rào cản, không chỉ rào cản về kinh tế, tài chính, mà còn là vấn đề chăm sóc con cái và các dịch vụ hỗ trợ. Bên cạnh đó, cần có các dịch vụ bảo vệ phụ nữ khỏi các nguy cơ bạo lực trên cơ sở giới như buôn bán người, bạo lực gia đình, quấy rối tình dục.

Thứ hai, hoạt động hỗ trợ và bảo vệ phụ nữ di cư, cần được xây dựng trên cơ sở tính tới bối cảnh dịch bệnh Covid-19 và hậu Covid-19. Các hỗ trợ cần giúp họ vượt qua cú sốc đại dịch, giải quyết các khó khăn trong di cư. Cần lưu ý tới các giải pháp chiến lược như tăng cường giáo dục, dạy nghề cho phụ nữ di cư, giúp họ tự tin, tự chủ, nâng cao quyền năng để phát triển và đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, xã hội.

Thứ ba, hỗ trợ, bảo vệ phụ nữ di cư cần được thực hiện một cách đồng bộ, thông qua phát huy vai trò của nhà nước trong việc phát triển cơ sở hạ tầng, tạo cơ hội việc làm, đồng thời, tăng cường vai trò của các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức cộng đồng trong hỗ trợ phụ nữ di cư. Song song với vai trò của nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức quốc tế như Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổ chức Di cư thế giới, Tổ chức Lao động thế giới đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ lao động nữ di cư về tài chính, nguồn lực kỹ thuật, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ phát triển cho phụ nữ di cư. Các dịch vụ có thể kể đến như tư vấn pháp lý, dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, tư vấn việc làm, tập huấn các kiến thức về giới, bình đẳng giới.

Thứ tư, cần xác định các trọng tâm ưu tiên trong hỗ trợ phụ nữ di cư và thống nhất hành động trong cả nước, kêu gọi sự tham gia của các bên liên quan. Các trọng tâm ưu tiên có thể tính đến như cơ hội giáo dục, đào tạo, cơ hội việc làm, sức khỏe, kỹ năng sống, dịch vụ chăm sóc trẻ, và hỗ trợ hòa nhập cho phụ nữ di cư.

Thứ năm, di cư là vấn đề nhạy cảm giới. Trên thực tế, phụ nữ gặp nhiều rủi ro và rào cản hơn so với nam giới trong quá trình di cư. Các chính sách di cư, vì vậy, cần được lồng ghép giới, có nhạy cảm giới, nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu, kỳ vọng của người di cư. Vấn đề di cư nói chung, giới trong lao động di cư nói riêng cần được đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương, để đóng góp của lao động di cư được ghi nhận và các vấn đề của họ được quan tâm giải quyết. Chính quyền nơi đến cần xây dựng và triển khai các chính sách, kế hoạch hướng tới bảo vệ, chăm sóc phụ nữ, trẻ em, người già, xây dựng tốt hành trang cho phụ nữ di cư và các đối tượng yếu thế di cư, để không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển.

Thứ sáu, khuyến khích phụ nữ di cư lên tiếng. Tiếng nói của họ thể hiện mong muốn, nguyện vọng cần được hỗ trợ, bảo vệ. Tiếng nói của họ có thể bao hàm các khó khăn, thách thức họ đang gặp phải và chưa được giải quyết, các rào cản khiến họ chưa phát huy được đầy đủ tiềm năng, thế mạnh của mình. Tiếng nói của họ là cơ sở cho các hành động can thiệp, các giải pháp chính sách. Bên cạnh đó, lao động nữ di cư cần có sự hỗ trợ của các hội, đoàn thể, cơ sở bảo trợ và hỗ trợ lao động di cư, đặc biệt là lao động nữ di cư, để tiếng nói của họ có trọng lượng và hiệu quả hơn.

5. Kết luận

Nghiên cứu về kinh nghiệm quốc tế trong hỗ trợ, bảo vệ phụ nữ di cư khá phức tạp, do xu hướng di cư ở các quốc gia khác nhau, và mỗi quốc gia cũng có sự khác nhau về điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội. Kinh nghiệm ứng phó của các quốc gia rất đa dạng, gợi mở cho Việt Nam các giải pháp trong hỗ trợ, bảo vệ phụ nữ di cư. Nghiên cứu này, dựa trên số liệu thứ cấp, trên cơ sở phân tích các tài liệu, chính sách, pháp luật của các quốc gia liên quan, còn nhiều hạn chế. Tuy nhiên, mở ra gợi ý cho các nghiên cứu chuyên sâu hơn, mở rộng phạm vi ở các quốc gia khác nhau, từ đó, bổ sung thêm các giải pháp, các bài học kinh nghiệm trong hỗ trợ, bảo vệ phụ nữ di cư, giúp họ hòa nhập với cuộc sống ở nơi đến, đóng góp cho sự phát triển bền vững của gia đình và xã hội.

Tài liệu tham khảo

- Phiên An (2021). Cuộc “di cư ngược” của lao động Trung Quốc. *Báo điện tử Vnexpress*. Lấy từ <https://vnexpress.net/cuoc-di-cu-nguoc-cua-lao-dong-trung-quoc-4301087.html>.
- Brucker, H., Jaschke, F., & Kosyakova, Y. (2019). *Integrating refugees and asylum seekers into the German economy and society: Empirical evidence and policy objectives*. Washington, DC: Transatlantic Council on Migration & Migration Policy Institute.
- Chan, K. W. (2021). *Internal Migration in China: Integrating Migration with Urbanization Policies and Hukou Reform*. Policy Note 16.
- China Labour Bulletin (4 May, 2021). Migrant workers and their children.
- CIEM & Aus4Reform (2021). *Báo cáo nghiên cứu các vấn đề giới trong di cư trong nước và tái cơ cấu kinh tế ở Việt Nam*. Hà Nội
- Degani, P. & De Stefani, P. (2020). Addressing migrant women’s intersecting vulnerabilities: Refugee protection, anti-trafficking and anti-violence referral patterns in Italy. *Peace Human Rights Governance*, 4(1), pp. 113-152.
- Donato, K. & Gabaccia, D. (2016). The global feminization of migration: Past, present, and future. Migration Information Source. <https://www.migrationpolicy.org/article/global-feminization-migration-past-present-and-future?msclkid=d4feaf81b95211eca6c88965acbcf4e2>.
- Tadevosyan, G., Chen, S. & Liu, R (2020) *Returning Migrants in the People’s Republic of China: Challenges and perspectives - Evidence from Chongqing*. ADB East Asia Working Paper Series. No. 33.
- Hillmann, F., & Koca, B. T. (2021). By women, for women, and with women: on the integration of highly qualified female refugees into the labour.
- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (2022). *Báo cáo tại Hội thảo khoa học “Nhóm phụ nữ di cư” kết quả nghiên cứu và đề xuất giải pháp, mô hình hỗ trợ*. TP Hồ Chí Minh.
- Ishikawa Y. (2020) Internal Migration in Japan. In: Bell M., Bernard A., Charles- Edwards E., Zhu Y. (eds). *Internal Migration in the Countries of Asia*. Springer, Cham. https://doi.org/10.1007/978-3-030-44010-7_7.
- Lee, Y., Kim, D. S. (2020) Internal Migration in South Korea. In: Bell M., Bernard A., Charles- Edwards E., Zhu Y. (eds) *Internal Migration in the Countries of Asia*. Springer, Cham. https://doi.org/10.1007/978-3-030-44010-7_6.
- Lee, J. (2021). *Supporting the social integration of migrant women in South Korea through language services: Roles of marriage migrant interpreters in multicultural family support centre counselling services*, volume 27, 2021.
- Lee, Y. & Sugiura, H. (2018). Key factors in determining internal migration to rural areas and its promoting measures - A case study of Hirosaki City, Aomori Prefecture. *Public Policy Review*, 14(1), pp. 153-176.

-
- Leong, K. (2020). Moving to the beat: Seasonal trends in Japan's internal migration data. Medea UrbanIntel.
- Liên Hợp Quốc (2015). Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.
- Olsen, B. (2020). Kiwis shifting from cities to the regions. Retrieved from <https://www.infometrics.co.nz/kiwis-shifting-from-cities-to-the-regions/>.
- Papoutsaki, D., Buzzeeo, J., Gray, H., Williams, M., Cockett, J., Akehurst, G., Alexander, K., Newton, B. & Pollard, E. (2020). *Moving out to move on Understanding the link between migration, disadvantage and social mobility*. UK: Social Mobility Commission.
- Pieke, F.N., Ahl, B., Barabantsev, E., Pelican, M. & Speelman, T. (2019). *How immigration is shaping Chinese society*. Merics: Mercator Institute for China Studies.
- Statista (2020). <https://www.statista.com/statistics/1224399/south-korea-internal-migration-rate/>
- Stawarz, N., Sander, N. & Sulak, H. (2020). Internal migration and housing costs: A panel analysis for Germany. *Population, Space and Place*, 27(4). <https://doi.org/10.1002/psp.2412>.
- Jinping, X. (2018). *Take the strategy for rural revitalization as the primary task in the new era*. Speech by President Xi Jinping, 21 September 2018. Source: Qiushi, November 2019.